TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/HC-PT
Ngày: 12/7/2021
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán:Bà Lê Thị Thúy Bình;

Bà Phan Thị Vân Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thẩm tra viênToà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5131/2021/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6năm 2021 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Đào Thị G, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn TQ, xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu Đông Trung, thị trấn KX, huyện KX, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Trác P – Văn phòng luật sư Hoàng Nguyên Phong thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bảo hiểm xã hội huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mạc Thanh H – Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện KX; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện của Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Bà Đinh Thị Thu H1 – Phó trưởng Ban thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện – Bà Đào Thị G yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của Bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà G và trình bày như sau:

Bà Đào Thị G là giáo viên mầm non tại trường Mầm non xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình từ năm 1973 đến tháng 5/2012. Năm 2002, bà đóng bảo BHXH, BHYT theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB ngày 18/11/2002 của UBND tỉnh Thái Bình. Năm 2006, bà đóng truy thu BHXH, BHYT từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 theo hướng dẫn số 30 ngày11/01/2006 của BHXH và Sở Giáo dục đào tạo Thái Bình.

Bà G được Chủ tịch UBND huyện KX chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2012. Theo Luật bảo hiểm xã hội bà thiếu 32 tháng đóng bảo hiểm xã hội mới đủ 20 năm hưởng hưu trí, nên bà tham gia đóng BHXH tự nguyện 32 tháng cho đủ 20 năm với mức lương 3.600.000đ/tháng. Khi nghỉ hưu lương khởi điểm của bà là 1.042.000đ/tháng.

Ngày 15/6/2019 Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình ra quyết định số 99/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh chế độ hưu trí theo Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 18/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Công văn số 227 ngày 28/3/2019 của liên ngành Sở GDĐT, BHXH tỉnh về việc báo cáo giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế, cụ thể:

- Mức bình quân trước điều chỉnh là 1.737.067đồng.
- Mức lương hưu trước điều chỉnh 1.042.240đồng.
- Mức lương bình quân sau điều chỉnh 1.069.765đồng.
- Mức lương hưu sau điều chỉnh 965.859đồng.

Thời điểm điều chỉnh từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2019 với tổng số tiền thu hồi là 4.675.434đồng.

Quyết định số 99/QĐ- BHXH ngày 15/6/2019 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, nay bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình yêu cầu: Hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G và hoàn trả cho bà số tiền lương của những tháng đã trừ và số tiền thu hồi lương hưu của bà.

Bà L trình bày: Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của bà G chính là Công văn số 2150/GDĐT-BHXH và thực tế quá trình đóng BHXH của bà từ năm 1995 đến khi nghỉ hưu, đã được ghi cụ thể tại sổ BHXH của bà G. Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam về việc chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non tại mục 3 có ghi rõ khi giải quyết không được đẩy trách nhiệm về phía người lao động hoặc đơn vị sử dụng lao động; Công văn này không có giá trị hồi tố nên không được áp dụng để giải quyết những trường hợp có giai đoạn truy thu BHXH từ năm 1995 đến năm 2001 như bà. Bà G đã nộp tiền truy thu BHXH là theo đúng quy định của Công văn số 2150/GDĐT-BHXH và hướng dẫn số 30/HD-LN; việc BHXH ghi sổ BHXH cho bà giai đoạn trước là đúng; việc điều chỉnh lại cách ghi là sai, vì công văn số 2150/GDĐT-BHXH và hướng dẫn số 30/HD-LN không có nội dung nào quy định sổ BHXH phải ghi mức đóng bằng tiền đồng; BHXH điều chỉnh cách ghi sổ BHXH từ hệ số sang tiền đồng không có văn bản, quyết định cụ thể. Vì vậy, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của người bị kiện đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Bà Đào Thị G được tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2002 theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB và Quyết định số 84/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh. Mức tiền lương đóng BHXH hệ số 1,0. Quá trình truy thu BHXH của bà G như sau:

** Cách tính theo hệ số:*

- Tháng 4/2006 thực hiện truy thu BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, theo Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và BHXH Việt Nam, số tiền truy đóng BHXH tính theo mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp. Số tiền truy thu như sau:

+ Từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, hệ số 1,0 số tiền truy thu là: 1,0 x 350.000 đồng x 84 tháng x 15% = 4.410.000 đồng.

(Mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng được quy định tại Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ)

- Tổng số tiền truy thu theo quy định (trước khi điều chỉnh) là: 4.410.000 đồng.

** Cách tính theo Việt Nam đồng:*

Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH, BHXH tỉnh đã rà soát và điều chỉnh mức tiền lương làm căn cứ đóng và ghi sổ BHXH của bà G từ hệ số sang mức tiền đồng Việt Nam và số tiền phải truy đóng BHXH theo đúng như sau:

- Từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 mức lương là 350.000 đồng (hệ số 1,0 x 350.000 đồng), số tiền truy thu là:350.000 đồng x 84 tháng x 15% = 4.410.000 đồng.

(Mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng được quy định tại Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ)

- Tổng số tiền truy thu theo quy định (sau khi điều chỉnh) là: 4.410.000 đồng.

Như vậy, số tiền truy đóng BHXH của bà Đào Thị G tính theo mức tiền lương hệ số, quy đổi sang theo mức tiền đồng Việt Nam theo lương tối thiểu không thay đổi.

Đến tháng 4/2012 bà G có tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là 17 năm 4 tháng. Từ tháng 5/2012 đến tháng 12/2014 bà G tham gia BHXH tự nguyện và lựa chọn nhiều mức đóng hàng tháng, với số tiền phải đóng là 21.824.000 đồng. Đến tháng 12/2014 bà G đã đóng BHXH đủ 20 năm.

Ngày 27/02/2015 BHXH tỉnh ban hành Quyết định số 197/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với bà Đào Thị G. Bà G có tổng thời gian đóng BHXH là 20 năm, tỷ lệ % để tính lương hưu của bà G bằng 60%.

Bảo hiểm xã hội căn cứ điểm a khoản 1 Điều 59, Điều 76, Điều 79 Luật BHXH số 71/2006/QH11; điểm a khoản 2 Điều 31Nghị định số 152/2006/NĐ-CP; Điều 17 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP; khoản 2, khoản 6 Mục I Thông tư số 02/2008/TT-BLĐTBXH; Điều 3 Nghị định số 66/2013/NĐ-CP. BHXH tỉnh giải quyết lương hưu cho bà G theo 02 quá trình:

Một là: Chế độ tiền lương do Nhà nước quy định chỉ tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu; thời gian đóng BHXH tự nguyện được tính bằng bình quân các mức thu nhập tháng đóng BHXH của toàn bộ thời gian đóng.

Mức bình quân tiền lương của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu là 1.482.222 đồng; mức bình quân chung của cả 02 quá trình là 1.721.259 đồng.

Lương hưu hàng tháng của bà G bằng 1.721.259 đồng x 60% = 1.032.755 đồng; thời điểm hưởng từ tháng 01/2015.

- *Việc điều chỉnh chế độ hưu trí:*

+ Lần thứ nhất: Điều chỉnh theo Điều 3 Thông tư số 03/2015/TT/BLĐTBXH ngày 23/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương, tiền công và thu nhập tháng đã đóng BHXH. Ngày 13/4/2015 BHXH tỉnh ban hành Phiếu điều chỉnh lương hưu số 197/BHXH đối với bà Đào Thị G.

Mức bình quân tiền lương của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu là 1.482.222 đồng (giữ nguyên); mức bình quân chung của cả 02 quá trình là 1.737.067 đồng.

Lương hưu hàng tháng sau điều chỉnh lần thứ nhất:

1.737.067 đồng x 60% = 1.042.240 đồng; bà Đào Thị G được truy lĩnh mức tiền chênh lệch do điều chỉnh từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2015 là 37.940 đồng; sau đó được điều chỉnh tăng 8% theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số

55/2016/NĐ-CP (1.042.240 đồng x 1,08 = 1.125.619 đồng); thời điểm hưởng từ tháng 01/2015.

+ Lần thứ hai: Điều chỉnh theo chỉ đạo của BHXH Việt Nam sau khi rà soát hồ sơ truy đóng BHXH thời gian từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001.

Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam về việc chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non, các bà mẹ, bà dì thuộc Làng trẻ em SOS Việt Nam, BHXH tỉnh thực hiện điều chỉnh mức tiền lương đóng BHXH của bà Đào Thị G từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam (*thời gian từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001*).

Căn cứ hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí của bà Đào Thị G, tờ rời sổ BHXH số 2603000856 do BHXH huyện KX cấp ngày 07/5/2019. BHXH tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G.

Khi điều chỉnh lại mức tiền lương đóng BHXH từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam ghi trên sổ BHXH thì diễn biến tiền lương của bà G có 03 quá trình: Vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (*tiền đồng Việt Nam*), vừa có thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định (*lương theo hệ số*), vừa có thời gian đóng BHXH tự nguyện (*tiền đồng Việt Nam*), thì việc giải quyết lương hưu đối với bà Đào Thị G phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59; Điều 76, Điều 79 Luật BHXH số 71/2006/QH11 (*thời gian đóng BHXH bắt buộcđược tính bình quân tiền lương,tiền công tháng đóng BHXH chung của các thời gian; trong đó thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng quyết định thì tính bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH của toàn bộ thời gian; thời gian đóng theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tính bình quân theo tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu; Thời gian đóng BHXH tự nguyệnđược tính bằngmức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH của toàn bộ thời gian đóng(có hồ sơ cách tính lương hưu kèm theo*), tính bình quân tiền lương giải quyết hưu trícho bà Đào Thị G theo 03 quá trình:

- Một là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001: Bà G có thời gian đóng là 84 tháng, mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH là 350.000 đồng (*tiền đồng Việt Nam*).

Theo quy định của Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn, khi giải quyết lương hưu mức tiền lương đóng BHXH của bà G (*bằng tiền đồng Việt Nam*) được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá sinh hoạt của từng thời kỳ theo quy định tại Điều 61 Luật BHXHsố 71/2006/QH11; Điều 32 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ (*hệ số điều chỉnh của năm 2015 quy định tại Thông tư*

số 03/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tổng thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định: 84 tháng (07 năm).

Tổng số tiền do người sử dụng lao động quy định: 93.954.000 đồng (cách tính: Mức lương đóng BHXH x mức điều chỉnh x thời gian đóng BHXH)

- Hai là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định từ tháng 01/2002 đến tháng 4/2012:Mức tiềnlương làm căn cứđóng BHXH của bà G theo hệ số thang bảng lương Nhà nước. Mức bình quân tiền lương của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu của bà G bằng 1.482.222 đồng.

Tổng thời gian công tác trong khối nhà nước: 124 tháng.

Tổng số tiền trong khối nhà nước: 1.482.222 đồng x 124 tháng = 183.795.556 đồng.

Lương bình quân thời gian đóng BHXH bắt buộc (chung cả 2 quá trình) là (93.954.000 đồng +183.795.556 đồng):(84 tháng + 124 tháng) = 1.335.334 đồng.

Ba là: Tiền lương đóng BHXH tự nguyện từ tháng 05/2012 đến tháng 12/2014, thời gian32 tháng (02 năm 8 tháng).

Tổng số tiền đóng BHXH tự nguyện: 13.320.000 + 7.770.000 + 21.840.000 +22.464.000 + 43.200.000 = 108.594.000 đồng.

Lương bình quân chung của cả 03 quá trình:(93.954.000 đồng+ 183.795.556 đồng+ 108.594.000 đồng): (84 tháng + 124 tháng + 32 tháng) = 1.609.765 đồng.

Lương hưu hàng tháng của bà G sau điều chỉnh:

1.609.765 đồng x 60% = 965.859đồng; sau đó được điều chỉnh tăng 8% theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 55/2016/NĐ-CP (965.859 đồng x 1,08 = 1.043.128 đồng); thời điểm hưởng từ tháng 01/2015.

Như vậy, khi điều chỉnh lương hưu theo các văn bản quy định nêu trên thì tiền lương hưu hằng tháng của bà Đào Thị G bị giảm đi 82.491đồng/01tháng (*từ mức 1.125.619 đồng/tháng, xuống mức 1.043.128 đồng/tháng*); trong đó số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2019 do điều chỉnh lương hưu đối với bà G là 4.675.434đồng, đến ngày 10/7/2020 bà Đào Thị G đã nộp được 2.390.000 đồng vào quỹ BHXH.

BHXH tỉnh đã chỉ đạo BHXH huyện, thành phố báo cáo Thành ủy, Huyện ủy, UBND huyện, thành phố và phối hợp với phòng Giáo dục và đào tạo, Hội giáo chức, các phòng liên quan tổ chức hội nghị để tuyên truyền, đối thoại, gặp gỡ, giải thích đối với các trường hợp phải điều chỉnh, thu hồi chênh lệch lương hưu nhằm tạo sự đồng thuận trong thực hiện; Khi BHXH huyện KX giao Quyết định 99/QĐ-BHXH cho bà G đã giao kèm theo "Bản quá trình đóng BHXH" của bà Đào Thị G, trong đó thể hiện rõ nội dung đã điều chỉnh cách ghi từ hệ số sang tiền đồng Việt

Nam đối với giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001. BHXH tỉnh đã chủ động báo cáo và đề nghị UBND tỉnh Thái Bình, BHXH Việt Nam chỉ đạo,tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan nhằm tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc điều chỉnh lương hưu và thu hồi số tiền chênh lệch lương hưu của giáo viên mầm non; đã thực hiện linh hoạt mức truy thu hằng tháng với mức thu thấp nhất là 100.000 đồng/tháng cho đến khi thu đủ số tiền phải thu về quỹ BHXH sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người nhằm giảm bớt khó khăn, bảo đảm cuộc sống của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh, điều đó thể hiện BHXH tỉnh đã thực hiện đúng quy định tại mục 3 Công văn số 3085/BHXH-CSXH "*Việc khắc phục phải khẩn trương, đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền, không đẩy trách nhiệm về phía người lao động hoặc đơn vị sử dụng lao động*".

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G là đúng quy định tại khoản 1 và 4 Điều 3; tiết 1.1.3, điểm 1.1, khoản 1 Điều 7 Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN.

Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G: Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13; Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11; Nghị định số 152/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ; Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 19/2008/TT-BLĐTBXH ngày 23/9/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 23/2012/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 190/2007/NĐ-CPngày 28/12/2007 của Chính phủ; Thông tư số 02/2008/TT-BLĐTBXH ngày 31/01/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Thông tư số 03/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc thành lập BHXH tỉnh Thái Bình; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam; Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam; Hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G và tờ rời sổ BHXH số 2603000856 do BHXH huyện KX cấp ngày 07/5/2019.

Việc ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của Giám đốc BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, BHXH tỉnh đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị G.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội huyện KX, tỉnh Thái Bình trình bày:* Việc điều chỉnh cách ghi số tiền đóng BHXH của bà G giai đoạn từ ngày 01/01/1995 đến 31/12/2001 là đúng quy định, trước đây do sai sót nghiệp vụ đã ghi sai nên nay điều chỉnh lại cho đúng, việc bà G yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019, giữ nguyên mức lương hưu trước khi điều chỉnh không có cơ sở. Bảo hiểm xã hội huyện KX đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật BHXH năm 2014; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vềán phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị G yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/11/2020, người khởi kiện là bà Đào Thị G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G là bà Hoàng Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc BHXH điều chỉnh lương hưu của người khởi kiện là sai. Các giáo viên mầm non tham gia đóng bảo hiểm từ năm 1995, đóng bằng hệ số thì phải được hưởng theo hệ số.

Luật sư Nguyễn Trác P trình bày ý kiến: Bà G đóng truy thu BHXH đúng theo quy định, BHXH tỉnh Thái Bình không căn cứ vào văn bản của cấp trên mà chỉ căn cứ vào tờ rời, tự ý sửa chữa tờ rời từ hệ số sang tiền đồng. Bản án sơ thẩm nhận định Quyết định 764/QĐ-BHXH của BHXH ban hành đúng quy định là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà G.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: BHXH tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 3 Điều 62 Luật BHXH năm 2014, ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của Giám đốc BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G là đúng quy định pháp luật, đúng với thời gian tham gia BHXH, đúng với mức lương làm căn cứ đóng BHXH của bà G qua các giai đoạn.Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Đào Thị G, vì không có căn cứ; bà Đào Thị G không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền của Tòa ángiải quyết vụ án:

Bà Đào Thị G khởi kiện quyết định hành chính của BHXH tỉnh Thái Bình.Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân tỉnh Thái Bình.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/6/2019 bà G nhận Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình. Ngày 28/5/2020, bà G nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình yêu cầu hủy Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình là còn thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình được ban hành dưới thể thức văn bản, do Giám đốc BHXH tỉnh Thái Bình ký ban hành là đúng thẩm quyền của BHXH tỉnh quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật BHXH, Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc thành lập BHXH tỉnh Thái Bình. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 764/QĐ-BHXH theo đúng quy định tại Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả chế độ BHXH, BHTN. Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà G cho rằng việc ban hành các văn bản nêu trên không

đúng quy định pháp luật nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của luật sư.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét kháng cáo của bà Đào Thị G:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 847/QĐ-BHXH ngày 21/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình ban hành đúng thẩm quyền, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật bảo hiểm xã hội; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc thành lập BHXH tỉnh Thái Bình; Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả chế độ BHXH, BHTN của BHXH Việt Nam.

[4.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019:

- Trước năm 2002, các giáo viên mầm non ngoài công lập được trả lương nhưng không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế... ngày 19/8/1999 Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP trong đó có chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập. Để tạo điều kiện cho giáo viên mầm non khi hết tuổi lao động có đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm theo năm công tác để được hưởng lương hưu, ngày 22/3/2004 Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản số 2150/GDDT-BHXH hướng dẫn truy thu trong trường hợp *"Những người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở mầm non từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 mà chưa tham gia đóng BHXH thì có thể đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian từ tháng 01/1995 đến khi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp*". Như vậy, quy định này có mở rộng đối tượng là giáo viên mầm non được truy nộp bảo hiểm, ghi sổ BHXH, nhưng mức truy nộp tính bằng tiền (đồng);

- Luật BHXH số 71/2006/QH11 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và Luật BHXH số 58/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 (khoản 1 và khoản 3 Điều 62), đều quy định có sự phân biệt 2 trường hợp tính lương hưu:

+ Trường hợp 1: Người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo mức tiền lương bằng hệ số, chế độ hưu trí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật số 71/2006 (khoản 1 Điều 62 Luật số 58/2014);

+ Trường hợp 2: Người lao động có thời gian đóng BHXH vừa theo mức tiền lương bằng hệ số vừa theo mức tiền lương bằng tiền đồng, chế độ hưu trí thực

hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật số 71/2006 (khoản 3 Điều 62 Luật số 58/2014).

- Thực hiện chính sách cho truy đóng bảo hiểm và áp dụng quy định của Luật BHXH đã nêu trên, dẫn đến trường hợp giáo viên mầm non đã truy đóng có 02 quá trình đóng bảo hiểm: Vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (đóng bằng tiền đồng Việt Nam) vừa có thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định (lương theo hệ số) – nên khi nghỉ hưu căn cứ tính lương hưu thuộc trường hợp thứ 2.

[4.3] Bà Đào Thị G là giáo viên mầm non tại trường Mầm non xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình từ năm 1973 đến tháng 5/2012. Năm 2002, bà đóng BHXH, BHYT theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB ngày 18/11/2002 của UBND tỉnh Thái Bình. Năm 2006, bà đóng truy thu BHXH, BHYT từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 theo hướng dẫn số 30 ngày11/01/2006 của BHXH và Sở giáo dục đào tạo Thái Bình. Bà được Chủ tịch UBND huyện KX chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2012.

Ngày 11/01/2006, Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - BHXH tỉnh Thái Bình đã ban hành Hướng dẫn số 30/HD-LN ngày 01/01/2006 về việc thực hiện truy thu BHXH, BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước, tuy nhiên do sai sót về nghiệp vụ, nhận thức không chính xác quy định của Công văn số 2150/GDĐT-BHXH về mức lương làm căn cứ trích nộp BHXH, BHYT, nên mục 1 của hướng dẫn số 30/HD-LN về "Phạm vi, đối tượng áp dụng, mức lương làm căn cứ trích nộp BHXH, BHYT…" đã có nhiều mẫu thuẫn, trong đó vừa hướng dẫn "*…căn cứ vào điểm 1, 2, 4 hướng dẫn số 61/HD-LN*", vừa hướng dẫn "*mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp*". Như vậy hướng dẫn số 30/HD-LN nêu trên là không nhất quán và có nội dung không đúng với quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH.

Do vậy, tại Quyết định số 197/QĐ-BHXH tỉnh Thái Bình ngày 27/02/2015 về việc hưởng chế độ hưu trí của bà Đào Thị G, thì bà G được hưởng lương hưu bình quân của 06 năm cuối là 1.721.259 đồng x 60% = 1.032.755 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện BHXH tỉnh Thái Bình và đại diện BHXH Việt Nam xác định việc cơ quan BHXH Thái Bình thực hiện thu và ghi sổ BHXH của bà G giai đoạn truy nộp BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 (*tiền lương làm căn cứ đóng BHXH không ghi tiền đồng mà ghi hệ số*) là không đúng với quy định pháp luật. Do vậy, cần điều chỉnh lại để đảm bảo thống nhất cả nước, cụ thể như sau:

[4.4] Căn cứ Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo - BHXH Việt Nam ban hành Công văn số 2150/GDĐT-

BHXH ngày 22/3/2004 của liên ngành về việc thực hiện BHXH và BHYT đối với người lao động thuộc các cơ sở giáo dục mầm non ghi rõ: "*Người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở mầm non từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 mà chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội thì có thể đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian từ tháng 01/1995 đến khi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu, nộp".*

Như vậy, mức tiền lương làm căn cứ truy đóng và ghi sổ BHXH đối với GVMN ngoài biên chế Nhà nước là mức lương bằng tiền đồng.

BHXH tỉnh Thái Bình thực hiện truy thu và ghi sổ BHXH đối với GVMN ngoài biên chế Nhà nước theo mức lương bằng hệ số; số tiền truy đóng BHXH = Hệ số lương x tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm truy đóng x 15% x tổng số tháng truy đóng.

Trường hợp của bà G, BHXH tỉnh ghi mức tiền lương làm căn cứ truy đóng và ghi sổ BHXH theo hệ số 1,0; số tiền truy đóng BHXH của bà G = 4.410.000 đồng.

Căn cứ Luật BHXH số 71/2006/QH11, cách tính lương hưu được thực hiện trên cơ sở mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của người lao động:

+ Người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo mức tiền lương bằng hệ số thì khi giải quyết chế độ hưu trí thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 59 Luật BHXH số 71/2006/QH11.

+ Người lao động có thời gian đóng BHXH vừa theo mức tiền lương bằng hệ số vừa theo mức tiền lương bằng tiền đồng thì khi giải quyết chế độ hưu trí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật BHXH số 71/2006/QH11.

- Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam về chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với GVMN... BHXH tỉnh Thái Bình tổ chức kiểm tra, rà soát việc truy thu, giải quyết chế độ BHXH đối với GVMN ngoài biên chế Nhà nước, phát hiện có 2.591 trường hợp ghi mức tiền lương truy đóng trên sổ BHXH không đúng quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH nêu trên (ghi mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH bằng hệ số mà không ghi bằng tiền đồng) nên đã thực hiện điều chỉnh lại mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH trên sổ BHXH đối với 2.591 trường hợp (trong đó 1.617 người đang công tác, 974 người đã nghỉ hưu trong đó có người khởi kiện).

Đối với trường hợp của bà Đào Thị G, phải điều chỉnh lại cách ghi sổ BHXH theo mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH, từ hệ số lương 1,0 sang tiền đồng là: 350.000 đồng (mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại

thời điểm thu nộp là 350.000 đồng); số tiền truy đóng BHXH của bà G sau khi điều chỉnh = 4.410.000 đồng (không thay đổi).

Vì vậy, trường hợp của bà Đào Thị G khi điều chỉnh lại mức tiền lương ghi trên sổ BHXH thì toàn bộ thời gian đóng BHXH của bà G có 03 quá trình lương: Một là thời gian truy đóng BHXH (từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001) mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH bằng tiền đồng; hai là thời gian đóng BHXH (từ tháng 01/2002 đến tháng 4/2012) mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bằng hệ số; ba là thời gian đóng BHXH tự nguyện (từ tháng 5/2012 đến tháng 12/2014) mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bằng tiền đồng. Do đó, việc giải quyết chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật BHXH số 71/2006/QH11.

BHXH tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019, điều chỉnh lương hưu cho bà G. Tiền lương hưu hàng tháng của bà G bị giảm đi 82.491 đồng/tháng (*từ mức 1.125.619 đồng/tháng, xuống mức 1.043.128 đồng/tháng*); số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2019 là 4.675.434 đồng, đến ngày 10/7/2020 bà Đào Thị G đã nộp được 2.390.000 đồng vào quỹ BHXH.

[4.5] Quá trình thực hiện, BHXH tỉnh và BHXH huyện KX tổ chức Hội nghị để gặp gỡ đối với các trường hợp nguyên là giáo viên mầm non của huyện KX có thời gian truy đóng BHXH thuộc diện phải điều chỉnh lương hưu để tuyên truyền, giải thích cho các giáo viên mầm non hiểu, đồng thuận phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện và hoàn trả lại tiền chênh lệch lương hưu đã hưởng về quỹ BHXH. Tại cuộc họp này, BHXH đã giao Quyết định điều chỉnh lương hưu cho từng người, trong đó có bà Đào Thị G.

Như vậy, trước đây khi thực hiện ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước được truy đóng BHXH, BHXH tỉnh Thái Bình đã có một số sai sót về nghiệp vụ trong việc ghi mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, dẫn đến việc xác định mức lương hưu cao hơn quy định. Vì vậy, BHXH tỉnh Thái Bình phải thực hiện việc điều chỉnh lại theo đúng quy định của Luật BHXH và các văn bản pháp luật hiện hành. BHXH tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Đào Thị G là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, công bằng về quyền lợi hưởng BHXH của giáo viên mầm non trong cả nước. Tuy nhiên, đối với Hướng dẫn số 30/HD-LN ngày 11/01/2006 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - BHXH tỉnh Thái Bình là không đúng quy định của pháp luật và Công văn số 2150/GDĐT-BHXH. Vì vậy, dẫn đến số tiền chi trả cho bà G không đúng quy định Điều 62 Luật BHXH năm 2014. BHXH tỉnh Thái Bình cần rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[5] Như vậy, Quyết định số 99/QĐ-BHXH ngày 15/6/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà G là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G không xuất trình thêm chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và BHXH tỉnh Thái Bình, BHXH Việt Nam, bác kháng cáo của bà G; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Đào Thị G là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị G và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đào Thị G.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Cường